

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 03/2005/TT-BKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về nội dung và quy trình xây dựng điều lệ Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập và điều lệ Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con

Thực hiện Nghị định 153/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý Tổng công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (sau đây gọi tắt là Nghị định 153/2004/NĐ-CP), Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng điều lệ của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập và điều lệ Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ Công ty con như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về nội dung và quy trình xây dựng điều lệ của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) và điều lệ của Công ty mẹ là công ty nhà nước trong mô hình Công ty mẹ Công ty con (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

a) Các Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, bao gồm: các Tổng công ty đang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các Tổng công ty đang trong quá trình chuyển đổi sang mô hình Công ty mẹ Công ty con mà trong cơ cấu thành viên vẫn còn đơn vị hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các Tổng công ty thành lập mới.

b) Các Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, các công ty thành viên của Tổng công ty do Nhà nước quyết định đầu tư và thành lập, công ty nhà nước độc lập đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đã hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- Có cơ cấu gồm Công ty mẹ là công ty nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; các công ty con, công ty liên kết hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc thành lập, đăng ký và hoạt động theo pháp luật nước ngoài.

2. Yêu cầu của nội dung điều lệ

Điều lệ Tổng công ty (Công ty mẹ) quy định về địa vị pháp lý của Tổng công ty (Công ty mẹ); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty (Công ty mẹ); quan hệ trong nội bộ Tổng công ty (Công ty mẹ); quan hệ của Tổng công ty (công ty mẹ) với các đơn vị thành viên (công ty con, công ty liên kết); quan hệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) với Đại diện chủ sở hữu nhà nước và các cơ quan nhà nước.

Điều lệ cụ thể của từng Tổng công ty, Công ty mẹ có thể quy định chi tiết hơn hoặc rút gọn về nội dung cho phù hợp với cơ cấu đơn vị thành viên (đối với Tổng công ty) hoặc cơ cấu công ty con, công ty liên kết (đối với Công ty mẹ); đặc điểm lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của mỗi Tổng công ty, Công ty mẹ và các quy định khác của pháp luật; nhưng phải có các nội dung cơ bản như trong hướng dẫn này và không được trái với các quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003 và Nghị định 153/2004/NĐCP.

II. NỘI DUNG ĐIỀU LỆ

1. Phần quy định chung

a) Điều lệ ghi rõ tên tiếng Việt, tên giao dịch, tên tiếng Anh (nếu có), địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, số Fax, website (nếu có) và các đặc điểm định danh khác của Tổng công ty, Công ty mẹ.

b) Địa vị Pháp lý của Tổng công ty, Công ty mẹ: là công ty nhà nước, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản

tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình; có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với vốn, tài sản, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu theo quy định của pháp luật.

c) Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty Công ty mẹ: là số vốn của chủ sở hữu (tính bằng tiền Việt Nam) đầu tư vào Tổng công ty, Công ty mẹ tại thời điểm điều lệ có hiệu lực. Việc xác định rõ tổng số vốn điều lệ tại điều lệ nhằm giới thiệu về quy mô của Tổng công ty, Công ty mẹ và để xác định trách nhiệm hữu hạn của chủ sở hữu đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty, Công ty mẹ trong phạm vi số vốn này.

d) Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, Công ty mẹ là Tổng Giám đốc Đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty Công ty mẹ là Bộ quản lý ngành hoặc UBND cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty mẹ được chuyển đổi từ công ty thành viên của Tổng công ty thì Đại diện chủ sở hữu của Công ty mẹ là Tổng công ty.

Đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại Tổng công ty, Công ty mẹ là Hội đồng quản trị.

đ) Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) là kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoàn thành các nhiệm vụ do Đại diện chủ sở hữu giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tối đa hóa hiệu quả hoạt động chung của toàn Tổng công ty (Công ty mẹ) và các đơn vị thành viên (các công ty con). Việc ghi rõ mục tiêu hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) trong điều lệ nhằm tránh tình trạng Tổng công ty (Công ty mẹ) hoạt động chệch khỏi mục tiêu của chủ sở hữu giao.

e) Thời hạn hoạt động: ghi số năm hoạt động theo quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập, tổ chức lại Tổng công ty (Công ty mẹ), hoặc ghi cụ thể ngày bắt đầu và kết thúc hoạt động, hoặc không ghi thời hạn nếu trong quyết định của cấp có thẩm quyền về thành lập, tổ chức lại Tổng công ty (Công ty mẹ) không xác định thời hạn hoạt động.

g) Ngành, nghề kinh doanh: trường hợp Tổng công ty (Công ty mẹ) trực tiếp sản xuất kinh doanh thì ghi các ngành, nghề theo đăng ký kinh doanh; trường hợp Tổng công ty (Công ty mẹ) không trực tiếp sản xuất kinh doanh mà thực hiện vai trò của cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên (các công ty con và doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mẹ) thì chỉ ghi thực hiện đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác; trường hợp vừa trực tiếp sản xuất kinh doanh, vừa thực hiện đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác thì ghi cả hai loại.

h) Phần giải thích từ ngữ nhằm thống nhất quan niệm và sử dụng những từ ngữ được dùng nhiều trong điều lệ nhưng có thể gây nhiều cách hiểu khác nhau bao gồm: Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, quyền chi phối, cổ phần chi phối, đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc, v.v. Đối với những từ ngữ đã có các văn bản giải thích riêng hoặc đã sử dụng ở các văn bản khác, được các đối tượng áp dụng hiểu rõ và chính xác thì khi xây dựng điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) không cần đưa vào mục giải thích từ ngữ của điều lệ.

i) Các vấn đề khác nếu thấy cần thiết, nhưng không trái với các quy định pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ

a) Quyền của Tổng công ty, Công ty mẹ đối với vốn, tài sản, tài chính và trong hoạt động kinh doanh: Căn cứ quy định tại các Điều 18, 15, 17 và 19 Luật Doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là Nghị định 199/2004/NĐ-CP), các quyền của đại diện chủ sở hữu quy định tại điều lệ này và đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty (Công ty mẹ) để cụ thể hóa các quyền của Tổng công ty (Công ty mẹ).

b) Nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ đối với vốn, tài sản, tài chính và trong hoạt động kinh doanh: Căn cứ quy định tại các Điều 14, 16, 18 và 19 Luật doanh nghiệp nhà nước, Nghị định 153/2004/NĐ-CP, Nghị định 199/2004/NĐ-CP, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu quy định tại điều lệ này và đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực hoạt

động của Tổng công ty, Công ty mẹ để cụ thể hóa các nghĩa vụ của Tổng công ty, Công ty mẹ.

c) Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng công ty (Công ty mẹ) đối với các đơn vị thành viên (công ty con) bao gồm: Định hướng chiến lược kinh doanh theo chiến lược kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ) và phù hợp với điều lệ của đơn vị thành viên (công ty con) ; phối hợp giữa các đơn vị thành viên (công ty con) để tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng đơn vị thành viên (công ty con) không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả kinh doanh thấp hơn so với có sự phối hợp của toàn Tổng công ty (của Công ty mẹ); hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của toàn Tổng công ty (tổ hợp Công ty mẹ và các công ty con); thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên (các công ty con) mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thực hiện các quyền chi phối đối với đơn vị thành viên (công ty con) theo điều lệ của đơn vị (công ty) đó, nhưng không được lạm dụng quyền chi phối, làm tổn hại đến lợi ích của các đơn vị thành viên (các công ty con), các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan đến đơn vị (công ty con) đó.

d) Khi Tổng công ty, Công ty mẹ thực hiện các hoạt động sau đây mà: Tổng công ty không có sự thỏa thuận với đơn vị thành viên là công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối; Công ty mẹ không có sự thỏa thuận với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối; Tổng công ty (Công ty mẹ) gây thiệt hại cho đơn vị thành viên (công ty con) đó và các bên liên quan, thì Tổng công ty (Công ty mẹ) phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đơn vị thành viên (công ty con) đó và các bên liên quan:

- Buộc đơn vị thành viên (công ty con) phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị (công ty con) này.
- Điều chuyển vốn, tài sản của đơn vị thành viên là công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với Tổng công ty) công ty con